

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM**

Số: 337/CV-TST

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động lợi
nhuận 6 tháng năm 2023 so với cùng kỳ
năm trước.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty: CTY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 102 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Q1, TP.HCM

Mã chứng khoán: VPS

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài
chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng năm 2023 của
Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam;

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh
nghiệp chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, như sau:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022	Chênh lệch	
				Giá trị	% +/-
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.679.431.186	224.093.562.523	(26.414.131.337)	-11,8%
2	Các khoản giảm trừ DT	9.333.112.833	11.131.665.574	(1.798.552.741)	-16,2%
3	Doanh thu thuần	188.346.318.353	212.961.896.949	(24.615.578.596)	-11,6%
4	Giá vốn hàng bán	132.749.339.442	156.450.384.250	(23.701.044.808)	-15,1%
5	Lợi nhuận gộp	55.596.978.911	56.511.512.699	(914.533.788)	-1,6%
6	D.thu hoạt động tài chính	4.387.535.904	4.801.006.129	(413.470.225)	-8,6%
7	Chi phí tài chính	6.105.047.135	4.885.276.646	1.219.770.489	25,0%
8	Chi phí bán hàng	29.901.042.824	27.594.836.189	2.306.206.635	8,4%
9	Chi phí quản lý	19.469.124.151	21.160.900.038	(1.691.775.887)	-8,0%
10	LN thuần từ HĐKD	4.509.300.705	7.671.505.955	(3.162.205.250)	-41,2%
11	Lợi nhuận khác	(82.728.055)	250.288.245	(333.016.300)	-133,1%
12	Tổng LN trước thuế	4.426.572.650	7.921.794.200	(3.495.221.550)	-44,1%
13	Tổng LN sau thuế	4.000.664.055	6.589.716.459	(2.589.052.404)	-39,3%



SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022	Chênh lệch	
				Giá trị	% +/-
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.706.270.286	239.037.114.218	(28.330.843.932)	-11,9%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	9.333.112.833	11.131.665.574	(1.798.552.741)	-16,2%
3	Doanh thu thuần	201.373.157.453	227.905.448.644	(26.532.291.191)	-11,6%
4	Giá vốn hàng bán	141.911.861.270	167.835.289.726	(25.923.428.456)	-15,4%
5	Lợi nhuận gộp	59.461.296.183	60.070.158.918	(608.862.735)	-1,0%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.686.935.451	1.667.117.178	1.019.818.273	61,2%
7	Chi phí tài chính	6.247.850.659	4.167.912.745	2.079.937.914	49,9%
8	Chi phí bán hàng	30.772.463.330	28.327.151.676	2.445.311.654	8,6%
9	Chi phí quản lý	21.773.720.532	23.463.611.843	(1.689.891.311)	-7,2%
10	LN thuần từ HĐKD	2.982.634.497	4.911.560.897	(1.928.926.400)	-39,3%
11	Lợi nhuận khác	(82.728.055)	249.407.033	(332.135.088)	-133,2%
12	Tổng LN trước thuế	2.899.906.442	5.160.967.930	(2.261.061.488)	-43,8%
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	650.326.212	1.667.240.286	(1.016.914.074)	-61,0%
14	Tổng LN sau thuế	2.249.580.230	3.493.727.644	(1.244.147.414)	-35,6%

Thị trường thuốc bảo vệ thực vật 6 tháng đầu năm 2023 tiêu thụ chậm, làm doanh thu báo cáo riêng và hợp nhất giảm khoản 11% so với cùng kỳ, đây là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ.

Chi phí tài chính tăng so cùng kỳ do nguồn tín dụng trong nền kinh tế suy yếu, ảnh hưởng dòng tiền của công ty làm cho chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho khách hàng tăng lên.

Tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm 2023 chi phí sản xuất tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ hơn cùng với giá nguyên vật liệu đầu vào giảm làm cho giá vốn hàng bán trên báo cáo riêng giảm 2,6%, hợp nhất giảm 2,9% so với cùng kỳ, giúp cho công ty đạt tỷ suất lợi nhuận trước thuế 6 tháng là 2,2%/ doanh thu (báo cáo riêng) và 1,4%/ doanh thu (báo cáo hợp nhất).

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, TCKT



Nguyễn Thân